

**CÔNG TY TNHH GREENHILL VILLAGE CONSTRUCTION**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GREENHILL VILLAGE CONSTRUCTION

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GREENHILL VILLAGE CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GREENHILL VILLAGE CONSTRUCTION

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109622168

**3. Ngày thành lập:** 06/05/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Nhà khách Văn phòng Chính phủ số 10 Chu Văn An, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0903379900

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                           | 4211     |
| 2.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                            | 4212     |
| 3.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                              | 4299     |
| 4.  | Phá dỡ<br>(Loại trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                   | 4311     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá) | 4610     |
| 6.  | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                  | 1392     |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                   | 4322     |
| 8.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                | 4221     |
| 9.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                     | 4222     |
| 10. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                      | 4223     |
| 11. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                       | 4229     |
| 12. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                              | 9512     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản<br>(Trừ hoạt động tư vấn pháp luật về bất động sản) | 6820        |
| 14. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(trừ kinh doanh được phẩm).                                                                                                                                                                        | 4649        |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                          | 4659        |
| 16. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                      | 4651        |
| 17. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                                    | 2392        |
| 18. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                                                             | 9521        |
| 19. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh bất động sản                                                                                                          | 6810        |
| 20. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                        | 4669        |
| 21. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                | 9511        |
| 22. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                            | 3700        |
| 23. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                    | 4321        |
| 24. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                           | 4330        |
| 25. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                           | 7730        |
| 26. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                 | 4291        |
| 27. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                          | 4292        |
| 28. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                    | 4293        |
| 29. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                      | 7110(Chính) |
| 30. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                                                                                                                        | 3900        |
| 31. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                           | 7410        |
| 32. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)                                                                                                                                           | 4312        |
| 33. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                  | 4663        |
| 34. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                                           | 2710        |
| 35. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                       | 4652        |
| 36. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                                                                                      | 9522        |

**6. Vốn điều lệ:** 200.000.000.000 VNĐ

## **7. Danh sách thành viên góp vốn:**

Thời gian đăng từ ngày 06/05/2021 đến ngày 05/06/2021

| STT | Tên thành viên      | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|---------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TẠ HÙNG QUỐC VIỆT   | Việt Nam  | 124 Đường 3/2, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam     | 102.000.000.000       | 51,000    | 089075000122                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN SƠN HẢI LONG | Việt Nam  | 246 Quốc Lộ 62, Phường 2, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam     | 98.000.000.000        | 49,000    | 300743477                                                                                               |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN SƠN HẢI LONG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 03/02/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 300743477

Ngày cấp: 27/08/2014

Nơi cấp: Công an Tỉnh Long An

Địa chỉ thường trú: 246 Quốc Lộ 62, Phường 2, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 197A Hoàng Văn Thụ, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội